

MA TRẬN MÔN TOÁN HỌC KÌ II NĂM HỌC 2021 – 2022

(Trắc nghiệm 8, tự luận 2)

(Mức 1: 50%, mức 2: 40%, mức 3 10%)

Đề thi Toán lớp 1 học kỳ 2 sách Kết nối tri thức theo Thông tư 27 năm 2021 - 2022 đã giúp các em luyện tập tốt và biết được cấu trúc đề thi Toán lớp 1 học kỳ 2, từ đó có thể tự ôn tập phù hợp và hiệu quả các dạng bài tập toán lớp 1 học kỳ 2.

Ma trận Đề thi Toán lớp 1 học kỳ 2

T T	Mạch KT, KN		Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Số học: Đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 100; nhận biết số chẵn, lẻ; thực hiện các phép tính cộng trừ trong phạm vi 100; số liền trước, số liền sau, viết phép tính trong bài toán giải.	Số câu	4		2	1		1	8
		Số điểm	4		2	1		1	8
		Câu số	1,3,4,5		6,7	9		10	

2	Hình học, đo lượng: Nhận biết các hình và khối, biết xem đồng hồ, đo độ dài, xem thời gian giờ lịch.	Số câu	1	1				2
		Số điểm	1	1				2
		Câu số	2	8				
TS câu			5	4			1	10

Đề thi Toán học kì 2 lớp 1

Họ và tên:.....Số báo danh:..... Lớp: 1..... Trường Tiểu học..... Giám thị 1:.....Giám thị 2:.....	KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HKI NĂM HỌC Ngày kiểm tra:...../...../ Môn: Toán Thời gian: 35 phút
--	--

Điểm	Nhận xét	Giám khảo 1:
		Giám khảo 2:

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (8 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng từng bài tập dưới đây:

Câu 1. a. (M1) (0.5đ) Số 15 đọc là:

- A. Mười lăm B. Mười năm C. Năm mươi D. Mười năm

b. (M1) (0.5đ) Số “sáu mươi tư” được viết là:

A. 60

B. 63

C. 64

D. 65

Câu 2. a. (M1) (0.5đ) Đồng hồ chỉ mấy giờ?



A. 12 giờ

C. 2 giờ

B. 1 giờ

D. 3 giờ

b. (M1) (0.5đ) Hình bên có..... hình vuông?



A. 3

C. 5

B. 4

D. 6

Câu 3. Cho dãy số: 23, 56, 65, 32

a. (M1) (0.5đ) Số nào lớn nhất?

A. 23

B. 56

C. 65

D. 32

b. (M1) (0.5đ) Số nào bé nhất?

A. 23

B. 56

C. 65

D. 32

Câu 4. a. (M1) (0.5đ) Kết quả của phép tính $65 - 3$ là:

A. 68

B. 35

C. 62

D. 95

b. (M1) (0.5đ) Kết quả của phép tính $46 + 12$ là:

A. 67

B. 57

C. 34

D. 25

Câu 5. Số cần điền vào chỗ chấm là:

a. (M1) (0.5đ) Trong các số 14, 25, 39, 67 số nào là số chẵn?

- A. 14 B. 25 C. 39 D. 67

b. (M1) (0.5đ) Cho dãy số 5, 10, 15, 20,, 30, 35, 40. Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 22 B. 23 C. 24 D. 25

Câu 6. a. (M2) (0.5đ) Dãy số nào sau đây xếp theo thứ tự từ bé đến lớn?

- A. 23, 12, 15, 45 B. 12, 15, 23, 45 C. 45, 12, 23, 15 D. 15, 12, 23, 45

b. (M2) Số bé nhất có hai chữ số giống nhau là:

- A. 10 B. 11 C. 22 D. 33

Câu 7. (M2) (1đ) Lan hái 15 bông hoa. Mai hái 10 bông hoa. Hỏi cả hai bạn hái được bao nhiêu bông hoa ?

- A. 20 B. 25 C. 30 D. 35

Câu 8. (M2) (1đ) Hôm nay là thứ hai ngày 10 tháng 5. Vậy ngày 13 tháng 5 là thứ mấy?

- A. Thứ ba B. Thứ tư C. Thứ năm D. Thứ sáu

II. PHẦN TỰ LUẬN (2 điểm)

Câu 9. (M2) (1đ)

$$23 - 11$$

.....

.....

.....

$$55 + 20$$

.....

.....

.....

$$33 + 6$$

.....

.....

.....

$$73 - 3$$

.....

.....

.....

Câu 10. (M3) (1đ) Đàn gà có 86 con, trong đó có 5 chục con đã vào chuồng. Hỏi còn lại bao nhiêu con gà chưa vào chuồng?

--	--	--	--	--

Đáp án Đề thi học kì 2 môn Toán lớp 1

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (8 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng từng bài tập dưới đây:

Câu 1.a. (M1) (0.5đ) Số 15 đọc là:

B. Mười năm

b. (M1) (0.5đ) Số “sáu mươi tư” được viết là:

C. 64

Câu 2. a. (M1) (0.5đ) Đồng hồ chỉ mấy giờ?

D. 3 giờ

b. (M1) (0.5đ) Hình bên có..... hình vuông?

C. 5

Câu 3. Cho dãy số: 23, 56, 65, 32

a. (M1) (0.5đ) Số nào lớn nhất?

C. 65

b. (M1) (0.5đ) Số nào bé nhất?

A. 23

Câu 4. a. (M1) (0.5đ) Kết quả của phép tính $65 - 3$ là:

C. 62

b. (M1) (0.5đ) Kết quả của phép tính $46 + 12$ là:

B. 57

Câu 5. Số cần điền vào chỗ chấm là:

(M1) (0.5đ) Trong các số 14, 25, 39, 67 số nào là số chẵn?

A. 14

b. (M1) (0.5đ) Cho dãy số 5, 10, 15, 20,, 30, 35, 40. Số cần điền vào chỗ chấm là:

D. 25

Câu 6.a. (M2) (0.5đ) Dãy số nào sau đây xếp theo thứ tự từ bé đến lớn?

B. 12,15, 23, 45

b. (M2) Số bé nhất có hai chữ số giống nhau là:

B. 11

Câu 7. (M2) (1đ) Lan hái 15 bông hoa. Mai hái 10 bông hoa. Hỏi cả hai bạn hái được bao nhiêu bông hoa?

B. 25

Câu 8. (M2) (1đ) Hôm nay là thứ hai ngày 10 tháng 5. Vậy ngày 12 tháng 5 là thứ mấy?

B. Thứ tư

II. PHẦN TỰ LUẬN (2 điểm)

Câu 9. (M2) (1đ)

$$\begin{array}{r} 23 \\ - 11 \\ \hline 12 \end{array} \quad \begin{array}{r} 55 \\ + 20 \\ \hline 75 \end{array} \quad \begin{array}{r} 33 \\ + 6 \\ \hline 39 \end{array} \quad \begin{array}{r} 73 \\ - 3 \\ \hline 70 \end{array}$$

Câu 10. (M3) (1đ) Đàn gà có 86 con, trong đó có 5 chục con đã vào chuồng. Hỏi còn lại bao nhiêu con gà chưa vào chuồng?

86	-	50	=	36
----	---	----	---	----